

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-ĐHCNGTVT-ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng của học chế tín chỉ

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trong trường Đại học Công nghệ GTVT, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Trong quá trình thực hiện, giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác có liên quan phải tuân thủ các quy định tại Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định tại bản hướng dẫn này.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Tổng số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình như sau:

- Đào tạo đại học:

- + Khối ngành công nghệ kỹ thuật chương trình đào tạo 05 năm: $150 \div 180$ tín chỉ;
- + Khối ngành công nghệ kỹ thuật chương trình đào tạo 04 năm: $140 \div 150$ tín chỉ;
- + Khối ngành kinh tế từ $130 \div 150$ tín chỉ.

- Đào tạo cao đẳng:

- + Khối ngành công nghệ kỹ thuật: $100 \div 120$ tín chỉ;
- + Khối ngành kinh tế: $100 \div 110$ tín chỉ.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT ký ban hành các chương trình để triển khai thực hiện trong trường.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

3.1. Học phần

Học phần là đơn vị cấu thành chương trình đào tạo, gồm tập hợp những kiến thức về một lĩnh vực chuyên môn và được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ.

Học phần có mã học phần và số tín chỉ xác định (thường từ 2-4 tín chỉ), mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: mục tiêu; tóm tắt học phần; các điều kiện tiên quyết; cách đánh giá học phần; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo;... Đề cương được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cùng với chương trình đào tạo. Nội dung đề cương chi tiết được giảng viên thông báo tới sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

Có hai loại học phần là học phần bắt buộc và học phần tự chọn:

- Học phần bắt buộc: Là các học phần trong chương trình chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy.

- Học phần tự chọn: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3.2. Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được tính bằng: 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận, thực hành, thí nghiệm, 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; 60 giờ làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Để tiếp thu khối lượng kiến thức của 01 tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tín chỉ của từng học phần được ghi trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính 12 giờ/01 ngày.

Tuỳ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, trường phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học có thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, cụ thể: 05 năm đối hệ đại học chính quy khối ngành công nghệ kỹ thuật; 04 năm đối với hệ đại học chính quy khối ngành kinh tế; 03 năm đối với hệ cao đẳng.

b) Một năm học gồm 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính gồm 15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy học tập và 3-4 tuần dành cho việc đánh giá kết thúc học phần (kiểm tra, thi,...).

Ngoài 02 học kỳ chính, hàng năm trường tổ chức học kỳ phụ nhằm tạo thêm cơ hội học tập cho sinh viên. Mỗi học kỳ phụ có 05 tuần thực học và 01 tuần thi. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc.

Thời gian biểu tiến hành các hoạt động học tập giảng dạy và lịch tổ chức đánh giá trong mỗi học kỳ kể cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết được quy định trong kế hoạch học tập chung do Hiệu trưởng ban hành hằng năm.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình cụ thể:

- Hệ đại học chính quy khối ngành công nghệ kỹ thuật (đào tạo 05 năm): 8 năm;
- Hệ đại học chính quy khối ngành công nghệ kỹ thuật (đào tạo 04 năm) và khối ngành kinh tế: 6 năm;
- Đối với hệ cao đẳng chính quy: 5 năm;

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học tại trường, ngoài các giấy tờ phải nộp theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, sinh viên còn phải nộp cho phòng Đào tạo đơn xin học theo hệ thống tín chỉ theo mẫu qui định của Nhà trường. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do các khoa chuyên ngành của trường lưu trữ, quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ thẻ sinh viên và những giấy tờ cần thiết khác.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

Những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (ngành đào tạo) đã đăng ký dự thi.

Điều 9. Tổ chức lớp học phần và điều kiện mở lớp

Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký cùng một học phần, có cùng thời khoá biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần có một mã số riêng. Số

lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học lý thuyết/ phòng thực hành hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của học phần.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các môn học lý thuyết là:
 - + Ít nhất 50 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần;
 - + Trong trường hợp không đủ 50 sinh viên đăng ký, nếu có đề nghị của khoa, Nhà trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 50 sinh viên.
- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các môn học thực hành - thí nghiệm, thực tập là :
 - + Ít nhất 20 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần;
 - + Trong trường hợp không đủ 20 sinh viên đăng ký, nếu có đề nghị của khoa, Nhà trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 20 sinh viên.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo của Trường (trừ các trường hợp học theo chương trình được phòng Đào tạo xếp trước).

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

Hết thời gian đăng ký theo qui định, sinh viên muốn rút bớt học phần đã đăng ký sẽ thực hiện như sau:

- Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo của trường xin rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký trong phạm vi 02 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ chính, 01 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ phụ. Nếu được chấp nhận, sinh viên sẽ được hủy kết quả đăng ký của các học phần xin rút nhưng không được trả lại kinh phí đào tạo của các học phần được rút.

- Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F (xem Điều 22).

- Sinh viên chỉ được phép nghỉ học đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng Đào tạo.

Điều 12. Đăng ký học lại, học cải thiện kết quả

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ phụ hoặc một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D⁺, D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Sinh viên đăng ký học lại phải nộp học phí theo quy định của Trường.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế từ tuyến huyện trở lên.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Bảng 1.

Xếp hạng năm đào tạo	Khối lượng kiến thức tích lũy
Sinh viên năm thứ nhất	- Dưới 1/3 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 3 năm. - Dưới 1/4 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 4 năm. - Dưới 1/5 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 5 năm.
Sinh viên năm thứ hai	- Từ 1/3 đến dưới 2/3 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 3 năm. - Từ 1/4 đến dưới 1/2 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 4 năm. - Từ 1/5 đến dưới 2/5 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 5 năm.
Sinh viên năm thứ ba	- Từ 2/3 trở lên khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 3 năm. - Từ 1/2 đến dưới 3/4 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 4 năm. - Từ 2/5 đến dưới 3/5 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 5 năm.
Sinh viên năm thứ tư	- Từ 3/4 trở lên khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 4 năm. - Từ 3/5 đến dưới 4/5 khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 5 năm.
Sinh viên năm thứ năm	- Từ 4/5 trở lên khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo 5 năm.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau (xem cách tính ở Điều 23):

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân (trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00). Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tập tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua phòng Đào tạo) ít nhất 4 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới, kèm theo giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ đối với trường hợp được điều động vào các lực lượng vũ trang và xác nhận của chính quyền địa phương là không vi phạm pháp luật trong thời gian nghỉ tạm thời đối với các trường hợp còn lại.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên một trong hai điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh báo kết quả học tập 2 lần liên tiếp;
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển đến Trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến Trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện năm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính như sau:

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành-thí nghiệm hoặc cả lý thuyết, thực hành-thí nghiệm và thảo luận:

$$\text{Điểm học phần} = 0,1 * \text{ĐCC} + 0,2 * \text{ĐTX} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐCC - điểm chuyên cần;

ĐTX - điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành - thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; bài tập lớn;

ĐKT - điểm thi kết thúc học phần.

Hình thức đánh giá điểm quá trình học tập và các loại điểm bộ phận được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

- Nếu sinh viên vắng mặt trên lớp quá 20% số tiết của học phần sẽ không được dự thi kết thúc học phần, nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

- Sinh viên vắng mặt trên lớp nhỏ hơn hoặc bằng 20% số tiết học của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Điểm chuyên cần được xác định phụ thuộc vào thời gian lên lớp của sinh viên:

Bảng 2.

Thời gian lên lớp/Số tiết của học phần	<80%	80%	81÷85%	86÷90%	91÷95%	96÷99%	100%
Điểm chuyên cần (Thang điểm 10)	0	5	6	7	8	9	10

2. Đối với các học phần đồ án môn học, tiểu luận:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 * \text{ĐQT} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT - Điểm quá trình thực hiện đồ án môn học, tiểu luận;

ĐKT - Điểm chấm hoặc bảo vệ đồ án, tiểu luận.

3. Đối với các học phần thực hành- thí nghiệm:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành - thí nghiệm. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ là điểm của học phần thực hành.

4. Đối với học phần thực tập tại hiện trường:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 * \text{ĐQT} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT - Điểm quá trình thực tập tại hiện trường;

ĐKT - Điểm chấm hoặc bảo vệ báo cáo thực tập.

5. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Khi học phần kết thúc, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ vào cuối học kỳ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, 01 ngày cho một tín chỉ.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu học phần đã quy định trong chương trình, đề cương chi tiết học phần. Đề thi kết thúc học phần lấy từ ngân hàng đề thi đã được Hiệu trưởng duyệt.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp quy định trong đề cương học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết, chấm tiểu luận, bài tập lớn được thực hiện 2 vòng độc lập tại văn phòng Tổ bộ môn. Giảng viên tuyệt đối không được phép mang bài thi, tiểu luận, bài tập lớn ra khỏi phòng chấm. Sau khi chấm xong phải bàn giao cho cán sự quản sinh lưu giữ tại văn phòng khoa ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải được hai giảng viên hỏi thi. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên không thống nhất được điểm thì trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định.

Điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường và làm thành ba bản (01 bản chính, 02 bản sao). Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa (bản chính) và một bản gửi về phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng quy định tại Điều 19. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Bảng 3.

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
	Khá	Từ 8,0 đến 8,4	B ⁺	3,5
		Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0

	Trung bình	Từ 6,0 đến 6,9	C ⁺	2,5
		Từ 5,5 đến 5,9	C	2,0
	Trung bình yếu	Từ 5,0 đến 5,4	D ⁺	1,5
		Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	F	0

- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

- Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên bỏ học hoặc vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

8. Đối với học phần Giáo dục thể chất

Quy định cách tính điểm: Sinh viên đạt điểm học phần từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10) được xếp loại đạt, đã tích lũy được học phần và được quy đổi sang thang điểm chữ để xếp loại chứng chỉ. Các sinh viên có điểm học phần dưới 5 sẽ phải đăng ký học lại học phần.

9. Đối với học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh

- Điều kiện thi, số lần thi kết thúc học phần: Thực hiện theo Điều 12 của Quy định Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh: Thực hiện theo Điều 13 của Quy định Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 (bảng 3)

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$DTB = \frac{\sum_{i=1}^n a_i . n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

DTB - là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i - là điểm của học phần thứ i ;

n_i - là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n - là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

2. Điều kiện đăng ký đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: tại thời điểm đăng ký, sinh viên còn nợ tối đa không quá 5% số tín chỉ so với yêu cầu bắt buộc của chương trình đào tạo (ngoại trừ các học phần đang hoàn thiện trong kỳ học hiện tại, thực tập tốt nghiệp và đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp).

3. Điều kiện nhận đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: tại thời điểm xét tư cách nhận đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, sinh viên chỉ còn nợ tối đa không quá 5% số tín chỉ của những học phần không phải là điều kiện tiên quyết của đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên cần đăng ký học bổ sung những học phần này để hoàn thiện chương trình đào tạo.

4. Hình thức, thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- Hình thức và thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: theo qui định trong chương trình đào tạo;

- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong *Phiếu giao nhiệm vụ tốt nghiệp*.

5. Đối với những trường hợp đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thực hành - thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, trường có thể bố trí thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 25. Chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng ra quyết định Hội đồng chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở đề xuất của khoa chuyên ngành. Thành phần Hội đồng chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp cho mỗi đồ án hoặc khóa luận có từ 3-7 giảng viên;

2. Điểm của đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 02 tuần, kể từ ngày bảo vệ đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa, giáo vụ khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác HSSV.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại (thi lại) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm - thực hành, tham quan, thực tập, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp..., nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Chương VI

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 29. Khen thưởng

Sinh viên đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện được trường ghi nhận và xét khen thưởng. Điều kiện và hình thức khen thưởng căn cứ theo Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy và các quy định của trường.

Điều 30. Học bổng

Học bổng gồm các loại: Học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách và học bổng tài trợ của các tổ chức và cá nhân. Việc thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học

tập và học bổng chính sách cho sinh viên căn cứ theo các quy định hiện hành. Việc xét học bổng tài trợ thực hiện theo những điều kiện và quy trình do Hiệu trưởng quy định.

Điều 31. Học phí, miễn, giảm học phí và xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy định đóng học phí

Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí đầy đủ và đúng thời hạn quy định tại phòng Tài chính – Kế toán của Trường. Học phí được đóng cho từng học kỳ theo khối lượng đăng ký học tập.

Sinh viên đóng học phí muộn hơn 4 tuần so với thời hạn quy định của trường sẽ bị đình chỉ học tập ở học kỳ hiện tại và vẫn phải hoàn thành nghĩa vụ học phí để được tiếp nhận trở lại trong học kỳ tiếp theo. Nếu vi phạm quy định đóng học phí lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

Sinh viên thuộc diện được xét miễn hoặc giảm học phí theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải làm hồ sơ xin miễn, giảm nộp cho phòng Công tác HSSV đúng hạn để nhà trường làm các thủ tục miễn, giảm.

Điều 32. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên tự ý bỏ học

Sinh viên không đăng ký học tập, nếu không có lý do chính đáng sẽ được xem là tự ý bỏ học và phải chịu xử lý bằng một trong các hình thức: khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên (theo Quyết định số 2054/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 20/9/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ GTVT).

Điều 33. Bảo hiểm y tế

Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện học tập của sinh viên, Nhà trường yêu cầu tất cả sinh viên đều phải có thẻ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể theo quy định hiện hành.

Điều 34. Điều khoản thi hành

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được áp dụng tại trường Đại học Công nghệ GTVT từ năm học 2013-2014. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh thông qua phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Ngọc Viện